

Nguyên đơn, bà L trình bày: Bà và ông H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2011. Sau khi kết hôn, bà phát hiện ông H sử dụng Ma túy, không quan tâm đến gia đình; sau nhiều lần cãi vã bà đã bỏ về quê ở Quảng Nam sinh sống từ tháng 05/2012 đến nay. Nay bà cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Khi chung sống với ông H bà đã làm thất lạc bản chính giấy chứng nhận kết hôn, nay bà chỉ còn bản sao và đã nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Phạm Thị Ngọc L nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, thì bị đơn - ông Lâm Hoàng H có hộ khẩu thường trú tại Đường H, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành tổng đạt cho ông H thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên Tòa lần thứ nhất ngày 31/7/2018, lần thứ 2 ngày 07/8/2018, nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn - Bà Phạm Thị Ngọc L, yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Hoàng H, Tòa án xét thấy:

Căn cứ vào bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 268/2011, do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp. Nay bà L xin ly hôn vì quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay.

Từ khi thụ lý đến khi xét xử, ông H không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc bà L xin ly hôn, chứng tỏ ông H không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của bà L là được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. bà L phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc L được ly hôn ông Lâm Hoàng H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc L xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008242 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niên yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Quang